

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lăng Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 3, xã TB, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp T, xã TB, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Lăng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị N tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005 đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân nhau từ 2010 cho đến nay. Anh T xác định hôn nhân không thể kéo dài và không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị N có 01 người con tên Lăng Hoàng Nghĩa sinh ngày 31/7/2005, hiện anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngh, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Phạm Thị N, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh T với chị N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mỗi quan hệ hôn nhân giữa Anh Lăng Văn T với chị Phạm Thị N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T với chị N không cùng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã ly thân nhau từ năm 2010. Tại phiên tòa anh T xác định hiện tại không còn tình cảm với chị N và không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị N; đối với chị Phạm Thị N, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh T nhưng chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T, điều này cho thấy chị N đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh T với chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh T cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Lăng Hoàng Ngh sinh ngày 31/7/2005, đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngh; đối với chị N không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh T và chị N ly thân cho đến nay cháu Ngh do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Ngh vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Ngh cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngh; đối với việc cấp dưỡng cho con anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải

quyết; đối với chị N không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm Anh Lăng Văn T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lăng Văn T. Cho Anh Lăng Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lăng Hoàng Ngh sinh ngày 31/7/2005 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lăng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011117 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TB, Huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phụng